BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

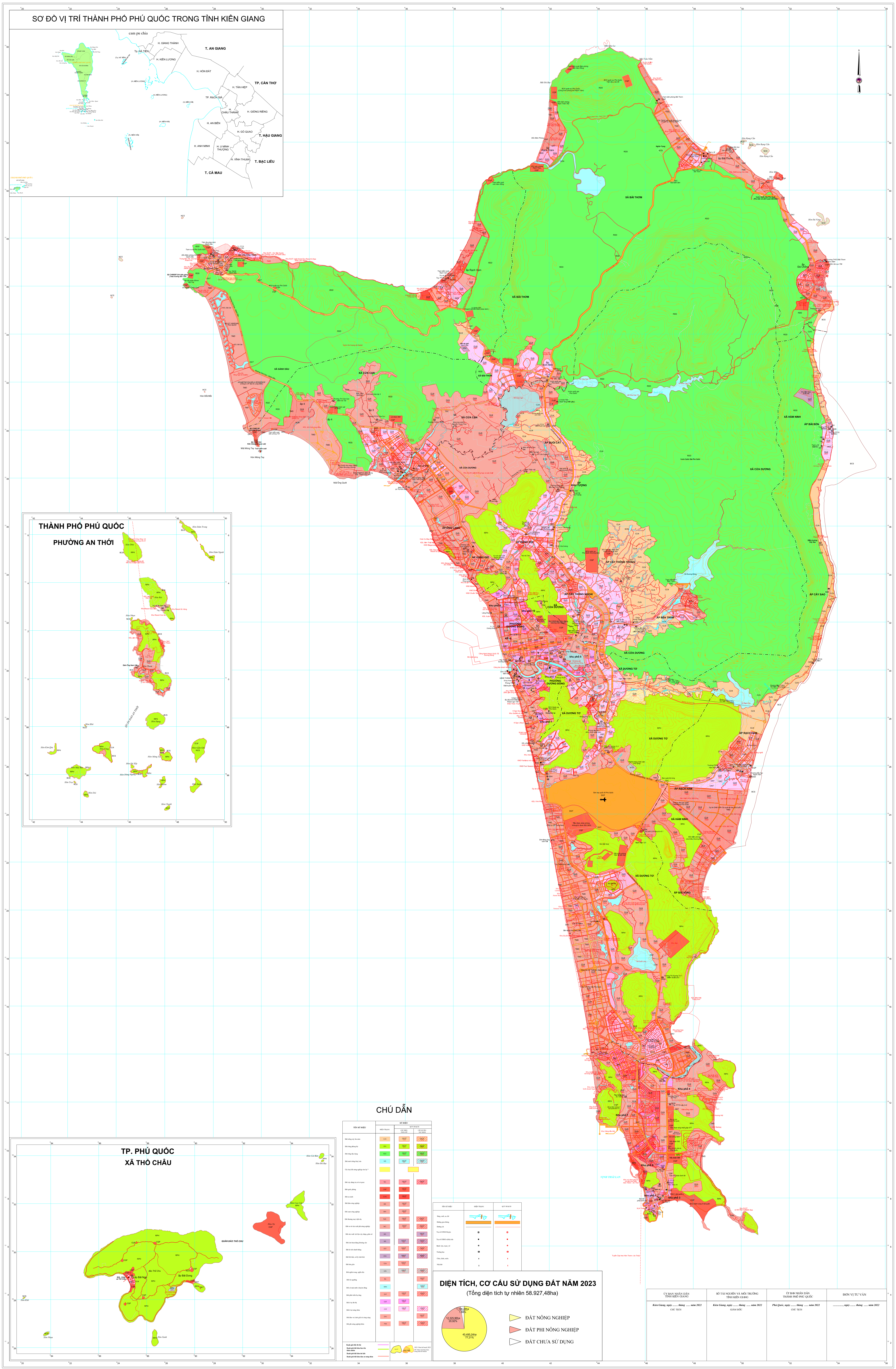
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC TRONG TỈNH KIÊN GIANG
cam pu chia
H. GIANG THÀNH
Tp. HÀ TIÊN
H. KIÊN LƯƠNG
T. AN GIANG
H. HÒN ĐẤT
TP. CẦN THƠ
H. TÂN HIỆP
TP. RẠCH GIÁ
H. CHÂU THÀNH
H. GIỒNG RIỀNG
H. AN BIÊN
H. GÒ QUAO
T. HẬU GIANG
H. ANH MINH
H. U MINH THƯỢNG
H. VĨNH THUẬN
T. BẠC LIÊU
T. CÀ MAU
XÃ BÃI THƠM
XÃ GÀNH DẦU
XÃ CỬA CẠN
XÃ CỬA DƯƠNG
XÃ HÀM NINH
XÃ DƯƠNG TƠ
PHƯỜNG DƯƠNG ĐÔNG
PHƯỜNG AN THỚI
áp Gành Dầu
áp Chuồng Vích
áp Rạch Tràm
áp Rạch Vẹm
áp Bãi Thơm
áp Đá Chồng
áp Xóm Mới
ÁP SUỐI CÁT
ÁP KHU TƯỢNG
ÁP BÃI BỔN
ÁP CÂY SAO
ÁP ÔNG LANG
ÁP BÙNG GỘI
ÁP GÀNH GIÓ
ÁP CÂY THÔNG TRONG
ÁP CÂY THÔNG NGOÀI
ÁP BẾN TRÀM
ÁP RẠCH HÀM
ÁP BÃI VÒNG
khu phố 5
khu phố 6
khu phố 7
khu phố 9
khu phố 10
Khu phố 1
Khu phố 3
Khu phố 4
Mũi Móng Tay
Hòn Móng Tay
Mũi Ông Quới
Hòn Đồi Mồi
Mũi Qua La
Mũi Trâu Nằm
Mũi Đá Bạc
Hòn Rạng Cầu
Hòn Đá Vàng
Vườn Quốc Gia Phú Quốc
Sân bay quốc tế Phú Quốc
Hồ Cửa Cạn
Hồ Dương Đông
Hồ Suối Lớn
VỊNH THÁI LAN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
PHƯỜNG AN THỚI
Hòn Dừa
Hòn Dăm Trong
Hòn Dăm Ngoài
Hòn Rỏi
Hòn Nhạn
Hòn Thơm
Hòn Đụng
Hòn Khô
Hòn Kim Quy
Hòn Vông
Hòn Móng Tay
Hòn Gầm Ghì
Hòn Mây Rút
Hòn Trọc
Hòn Đá Xếp
Hòn Dồng Ngoang
Hòn Buồm
Hòn Xưởng
Hòn Dồi
Hòn Chanh
QUẦN ĐẢO AN THỚI
TP. PHÚ QUỐC
XÃ THỔ CHÂU
Hòn Cái Bàn
Hòn Đá Bạc
Hòn Cao Cát
Hòn Tử
QUẦN ĐẢO THỔ CHU
đảo Thổ Chu
ấp Bãi Ngự
ấp Bãi Dong
Hòn Khô
Hòn Nhạn
Hòn Xanh
1.106,28ha
1,88%
12.325,96ha
20,92%
45.495,24ha
77,21%

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN	mã HT CLN
Đất rừng phòng hộ	RPH	mã HT RPH	mã HT RPH
Đất rừng đặc dụng	RDD	mã HT RDD	mã HT RDD
Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	mã HT NTS	mã HT NTS
Các loại đất nông nghiệp còn lại *	🟨	🟨	
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC	mã HT TSC
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP	
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN	
Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT SKK	
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT SKN	
Đất thương mại, dịch dụ	TMD	mã HT TMD	mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC	mã HT SKC
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX		mã HT SKX
Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã HT SKS	mã HT SKS
Đất di tích danh thắng	DDT	mã HT DDT	mã HT DDT
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA	mã HT DRA
Đất tôn giáo	TON	mã HT TON	
Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	mã HT NTD	mã HT NTD
Đất tín ngưỡng	TIN		mã HT TIN
Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN		mã HT SMN
Đất phát triển hạ tầng	DHT	mã HT DHT	mã HT DHT
Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT	
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT	mã HT ONT
Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV		mã HT DKV
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	mã HT PNK	mã HT PNK

Ranh giới đất đô thị
Ranh giới đất khu bảo tồn thiên nhiên
Ranh giới đất khu du lịch
Ranh giới đất khu dân cư nông thôn

mã HT
mã HT 2023 DT
2023: Năm kế hoạch 2023
DT: Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Sông, suối, ao, hồ		
Đường giao thông		
Đường sắt		
Trụ sở UBND Huyện	◉	◉
Trụ sở UBND xã/thị trấn	●	●
Bệnh viện, trạm y tế	⊕	⊕
Trường học		
Chùa, đình, miếu		
Nhà thờ		

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

(Tổng diện tích tự nhiên 58.927,48ha)

- ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Kiên Giang, ngày .... tháng ...... năm 2022 CHỦ TỊCH	*Kiên Giang, ngày .... tháng ...... năm 2022* GIÁM ĐỐC	*Phú Quốc, ngày .... tháng ...... năm 2022* CHỦ TỊCH	*..............., ngày .... tháng ...... năm 2022*

NGUỒN TÀI LIỆU

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG